

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-3-2024  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vương Thị Dung và bà Nguyễn Thị Liễu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại Phòng xét xử B - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 484/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1968

*Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1965

HKTT: tổ 2, ấp Phú Quý 2, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

*(Nguyên đơn có mặt và bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn số 058, ngày 28-03-1991 tại UBND thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Thời điểm mới chung sống thì sinh sống tại thị trấn Định Quán, sau đó đến năm 1997 thì chuyển về xã La Ngà sinh sống. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, mỗi người một quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt cuộc sống hàng ngày dẫn đến tinh thần rất mệt mỏi nặng nề, không muốn quan tâm đến nhau. Hai năm nay ông dọn ra ngoài ở nên từ đó hai người sống ly thân với nhau. Bản thân nhận thấy không còn tình cảm thương yêu nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về nuôi con chung: có 03 con chung Bùi Việt T1, sinh ngày 03/02/1992, Bùi Việt Như M, sinh ngày 01/03/1993 và Bùi Việt H1, sinh ngày 01/03/2002. Hiện nay các con chung đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T, bà H có cho bà Bùi Thị Nữ vay số tiền là 110.000.000đồng, có giấy xác nhận nợ. Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về số nợ này.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 23 tháng 01 năm 2024, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26/01/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Về quan hệ hôn nhân bà đồng ý như lời trình bày của ông T như trên. Tuy nhiên mâu thuẫn như ông T trình bày là không đúng. Từ tháng 11/2021 trở lại đây ông T thay đổi tính nết kiếm chuyện với bà để ly hôn. Do ông T không chịu nói ra nên bà không thể biết được, nếu có cãi nhau thì chỉ cãi nhau những chuyện vặt vãnh. Từ ngày 28/10/2021 ông T nói với bà là ông T đã ăn ở với người khác nên ông T muốn ly hôn. Đến cuối tháng 03/2022 ông T nộp đơn nghỉ việc tại Công an xã La Ngà, sau đó ông T cũng ra ngoài ở, đi làm ở Nhơn Trạch được hơn 01 tháng thì bị đột quỵ. Sau này ông T cũng có về nhà ở. Từ cuối tháng 12/2022 đến nay thì ông T ra ngoài ở hẳn nên hai người sống ly thân với nhau, ông T không quan tâm đến bà nhưng bà vẫn quan tâm đến ông T. Bà muốn cho ông T cơ hội cuối cùng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 03 con chung Bùi Việt T1, sinh ngày 03/02/1992, Bùi Việt Như M, sinh ngày 01/03/1993 và Bùi Việt H1, sinh ngày 01/03/2002. Hiện nay các con chung đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng. Riêng cháu Hùng hiện đang học trường Cao đẳng Lý Tự Trọng và bà vẫn đang phải nuôi cháu ăn học và cháu cũng bị bệnh trầm cảm

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà có cho bà Bùi Thị Nữ vay số tiền là 110.000.000đồng, có giấy xác nhận nợ. Tạm thời bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về số nợ này.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Về hôn nhân: Cho ông T được ly hôn với bà H. Về con chung: Các con chung đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng. Tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Ông T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị H sinh sống tại ấp Phú Quý 2, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Vì

vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Ông T yêu cầu ly hôn, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 21/11/2023, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc ông T xin ly hôn với bà H. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông là nguyên đơn, bà H là bị đơn trong vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông T và bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 058, ngày 28-03-1991 tại UBND thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/01/2024, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26/01/2024, biên bản xác minh ngày 23/01/2024 thể hiện vợ chồng ông bà có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung về mọi mặt dẫn đến bỏ mặc không muốn quan tâm đến nhau. Bà H cũng thừa nhận từ cuối tháng 03/2022 ông T nộp đơn nghỉ việc tại Công an xã La Ngà, sau đó ra ngoài ở, đi làm ở Nhơn Trạch được hơn 01 tháng thì bị đột quy, có về nhà ở 01 thời gian nhưng không thể duy trì cuộc sống chung. Từ cuối tháng 12/2022 đến nay thì ông T ra ngoài ở hẳn nên hai người sống ly thân với nhau. Bà H không đồng ý ly hôn vì cho rằng vì con, vì các mối quan hệ xã hội bên ngoài, xui gia hai bên và 02 vợ chồng đều là đảng viên. Tuy nhiên ngày 26/01/2024 Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành và ngày 23/02/2024 hòa giải lần 2 nhưng bà H không đến thể hiện thái độ bỏ mặc, đồng thời ông T cương quyết ly hôn nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, ông T và bà H đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho ông T được ly hôn với bà H.

- Về nuôi con chung: có 03 con chung Bùi Việt T1, sinh ngày 03/02/1992, Bùi Việt Như M, sinh ngày 01/03/1993 và Bùi Việt H1, sinh ngày 01/03/2002. Hiện nay các con chung đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên khi có tranh chấp thì sẽ được giải quyết riêng ở vụ án khác.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 40 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, 56, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T.

- Về hôn nhân: Ông Bùi Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về nuôi con chung: có 03 con chung Bùi Việt T1, sinh ngày 03/02/1992, Bùi Việt Như M, sinh ngày 01/03/1993 và Bùi Việt H1, sinh ngày 01/03/2002. Hiện nay các con chung đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên khi có tranh chấp thì sẽ được giải quyết riêng ở vụ án khác.

2. Về án phí: Ông Bùi Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009167 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho ông T biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bà H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA DS huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, số 058, ngày 28/3/1991 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Lan**

